TẠP CHÍ
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Bài báo khoa học

Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

Hoàng Phan Hải Yến[1*], Nguyễn Thị Thương[2]

[1] Khoa Địa lí, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh; hoangphanhaiyen@vinhuni.edu.vn
[2] Học viên cao học k28, chuyên ngành Địa lí học, Trường Đại học Vinh; Giáo viên trường THPT Anh Sơn 2, Nghệ An; thuongnt.as2@nghean.edu.vn

*Tác giả liên hệ: hoangphanhaiyen@vinhuni.edu.vn; Tel: +84–917544789

Ban Biên tập nhận bài: 8/2/2022; Ngày phản biện xong: 11/3/2022; Ngày đăng bài: 25/4/2022

Tóm tắt: Việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp từ đó lựa chọn các loại hình sử dụng đất hợp lí theo quan điểm bền vững đang trở thành vấn đề mang tính toàn cầu được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Đối với một nước có nền nông nghiệp chủ yếu như Việt Nam, đây lại là nhiệm vụ có ý nghĩa hơn bao giờ hết. Bằng việc sử dụng các phương pháp phân tích tổng hợp, khảo sát thực địa, tham khảo ý kiến chuyên gia... bài báo phân tích, làm rõ hiện trạng, những vấn đề đặt ra trong sử dụng đất nông nghiệp theo loại hình sử dụng đất, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng để các nhà quản lí cấp huyện và cấp tỉnh Nghệ An đầu tư và tổ chức sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng loại tài nguyên quý giá này.

Từ khóa: Đất nông nghiệp; Hiệu quả sử dụng đất; Sử dụng đất nông nghiệp.

1. Mở đầu

Các nghiên cứu về đất nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đã được tiến hành từ những năm đầu của thế kỷ XVIII khi sức sản xuất của các ngành kinh tế tăng lên theo nhu cầu của con người và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nông nghiệp không chỉ phát triển theo chiều rộng mà phải chuyển sang phát triển theo chiều sâu nhằm giải quyết rất nhiều vấn đề về về chuyển dịch cơ cấu đất đai, lao động và sản phẩm. Ngày nay, những nghiên cứu về đánh giá tính hiệu quả trong sử dụng đất nông nghiệp được tiến hành ở cả các nước phát triển và đang phát triển. Các nước Đông Nam Á đã sử dụng các phương pháp như: chuyên khảo, mô phỏng, phân tích chi phí lợi ích, phân tích chuyên gia …nhằm đánh giá hiệu quả đối với từng loại cây trồng, từng giống cây trồng trên mỗi loại đất, từ đó sắp xếp, bố trí các loại cây trồng phù hợp nhằm khai thác tốt hơn lợi thế so sánh của từng vùng [1–2]. Ngày nay, các Viện nghiên cứu của các nước trên thế giới đã đưa ra nhiều giống cây trồng mới, nhiều phương thức luân canh mới giúp cho việc hình thành các hình thức sử dụng đất có hiệu quả, đem lại giá trị kinh tế cao [3, 4–7]. Tổ chức nông–lương thế giới sử dụng phương pháp điều tra và phân tích thống kê để nghiên cứu về hiệu quả sử dụng phân bón và đất nông nghiệp, kết quả cho thấy đất nông nghiệp bị khai thác quá mức, quá nhiều hóa chất được đưa vào đất trồng để nhanh đem đến sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người. Tình trạng đó đã dẫn đến nguy cơ thoái hóa đất, ô nhiễm đất trồng và nguồn nước, đe dọa tính bền vững của hệ sinh thái và môi trường. Vì vậy, cần phải sử dụng hợp lí đất nông nghiệp, quy trình làm đất và sử dụng phân bón phải được tính toán và điều tra đầy đủ về các yếu tố vi lượng trong

đất nông nghiệp để tăng hiệu quả sử dụng đất nhưng đồng thời cũng hạn chế khả năng thoái hóa và ô nhiễm đất [8–13]. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, việc khai thác và sử dụng đất đai là yếu tố quyết định để phát triển kinh tế–xã hội khu vực nông thôn. Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra các chính sách quản lí và sử dụng đất đai, ổn định chế độ sở hữu, giao đất cho nông dân sử dụng, thiết lập hệ thống trách nhiệm và tính chủ động sáng tạo của nông dân trong sản xuất [14–15]. Ở các nước phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ca–na–da, EU, Ô–xtrây–li–a đã có rất nhiều chính sách tập trung vào hỗ trợ phát triển nông nghiệp và đầu tư thâm canh vào đất nông nghiệp, gắn phương thức sử dụng đất truyền thống với phương thức hiện đại và chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa nông thôn [16–26]. Các nước châu Á chú trọng đẩy mạnh công tác thủy lợi, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, phân bón, các công thức luân canh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp [27–29].

Ở Việt Nam, đất nông nghiệp được xác định là tất cả loại đất được sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm muối...kể cả diện tích đất lâm nghiệp và các công trình xây dựng cơ bản phục vụ cho sản xuất nông lâm nghiệp [30]. Các nghiên cứu [31–35] và nhiều nhà khoa học khác về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đã sử dụng rất nhiều phương pháp và tiêu chí đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tùy vào đặc điểm của địa bàn nghiên cứu và các nhân tố tác động khác nhau. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng mỗi một khu vực nghiên cứu có thể phát triển các loại hình sử dụng đất phù hợp với các loại cây trồng vật nuôi cho hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, một trong những nguyên nhân làm cho sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chưa được khai thác triệt để là do chưa xác định được hướng sử dụng, lợi thế đất nông nghiệp, đồng thời chưa xây dựng được các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả kinh tế cao [31–35].

Như vậy, từ tổng quan trên có thể thấy rằng các nhà khoa học và các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất cho mục đích phát triển nông nghiệp. Các nghiên cứu có ý nghĩa về thực tiễn để nâng cao hiệu quả và giá trị của ngành nông nghiệp, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường cho mục tiêu phát triển bền vững. Đông thời có ý nghĩa về mặt lí luận cho những nghiên cứu tiếp theo. Từ đó cũng cho thấy, việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An là rất cần thiết, nhằm mục đích phát huy hiệu quả tối đa của đất nông nghiệp cho phát triển các cây trồng, vật nuôi và các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp.

2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Giới thiệu về khu vực nghiên cứu

Anh Sơn là huyện miền núi thấp nằm về phía Tây Nam tỉnh Nghệ An, có diện tích tự nhiên tương đối lớn với 60.441,88 ha, chiếm 3,7% diện tích toàn tỉnh Nghệ An. Trong tổng diện tích đất tự nhiên, đất nông nghiệp chiếm 52.036,38 ha, tương đương 86,1%. Năm 2020, dân số toàn huyện là 118.120 người, dân số hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm 93,39% [36–38].

Như vậy, đối với huyện Anh Sơn, nông nghiệp đang là ngành giữ vị trí quan trọng trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng. Thực tế, trong những năm qua, giá trị sản xuất nông nghiệp đã góp phần đáng kể đưa giá trị sản xuất của huyện tăng lên nhanh chóng. Bằng thu hút đầu tư, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, cơ cấu cây trồng đã làm cho sản lượng, năng suất và giá trị cây trồng, vật nuôi thu được trên đất nông nghiệp ngày càng cao, hiệu quả sử dụng đất ngày càng lớn.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả thu được, việc sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện vẫn còn nhiều khó khăn và bất cập như: cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn còn chuyển dịch chậm; năng suất, chất lượng, giá trị cây trồng, vật nuôi còn thấp so với nguồn vốn đầu tư bỏ ra; các loại hình sử dụng đất còn chưa hợp lý; các đối tượng sử dụng đất còn chưa mạnh dạn đầu tư trên đất dẫn đến tình trạng diện tích đất bỏ hoang lớn; công tác quản

lý, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp còn nhiều bất cập so với thực tế sử dụng đất....

2.2. Dữ liệu

Dữ liệu của bài báo được tác giả tính toán, phân tích từ các nguồn như: Niên giám thống kê của Cục Thống kê Nghệ An, các báo cáo của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Anh Sơn cũng như các phòng ban chức năng của huyện cung cấp. Những số liệu sơ cấp được thu thập và sau đó tính toán thành các bảng biểu để dễ so sánh, nhận xét và phân tích. Tất cả các dữ liệu được thu thập trong giai đoạn 2015–2020.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được hiệu quả cao trong nghiên cứu, bài báo đã sử dụng kết hợp các phương pháp như:

2.3.1. Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu (số liệu sơ cấp và thứ cấp)

Số liệu liên quan đến sử dụng đất nông nghiệp huyện Anh Sơn được thu thập thông qua: Niên giám thống kê hàng năm của tỉnh Nghệ An, thu thập từ các báo cáo của UBND huyện cũng như các phòng ban chức năng của huyện.

2.3.2. Phương pháp phân tích tổng hợp

Trên cơ sở thu thập và nghiên cứu các văn bản nêu trên, từ đó phân tích, tổng hợp góp phần làm rõ thực trạng cũng như hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Anh Sơn.

2.3.3. Phương pháp khảo sát thực địa

Nghiên cứu tiến hành thực địa khảo sát tình hình kinh tế–xã hội, hiện trạng sử dụng đất ở 10/21 xã, thị trấn của huyện như: Bình Sơn, Đỉnh Sơn, Tường Sơn, Hùng Sơn, Đức Sơn, Hoa Sơn, Hội Sơn, Phúc Sơn, Khai Sơn, Long Sơn, tiếp xúc với người dân để nắm bắt đầy đủ thông tin về sản xuất nông nghiệp.

2.3.4. Phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia

Đây là phương pháp được thực hiện bằng hệ thống câu hỏi miệng với các chuyên gia nông nghiệp ở UBND huyện, các Trưởng phòng Nông nghiệp, Trưởng trạm khuyến nông, khuyến ngư trên địa bàn huyện và các chủ tịch xã để thu thập thông tin về tình hình sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi cũng như giá trị sản xuất nông nghiệp.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tình hình sử dụng đất nông nghiệp của huyện Anh Sơn

3.1.1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp

Năm 2020, nhóm đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn toàn huyện có 52.036,38 ha, chiếm 86,1% tổng diện tích tự nhiên. Nhìn chung, diện tích đất nông nghiệp ngày càng được khai thác và sử dụng hợp lý, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Với đặc điểm gần 3/4 diện tích là đồi núi nên đất lâm nghiệp của huyện là 33.245,04 ha, chiếm 63,89%; đất sản xuất nông nghiệp là 18.122,81 ha, chiếm 34,83% tổng diện tích đất nông nghiệp; còn lại là đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác chiếm tỷ lệ không đáng kể.

Bảng 1. Diện tích và cơ cấu đất nông nghiệp năm 2020 [36–39].

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	52.036,38	100
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	18.122,81	34,83
1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.828,20	7,36
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5.658,14	10,87
1.1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.636,47	16,60
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	33.245,04	63.89
1.2.1	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.308,83	15,97
1.2.2	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.226,26	4,28
1.2.3	Đất rừng sản xuất	RSX	22.709,95	43,64
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	662,47	1,27
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,06	0,01

Trong nhóm đất sản xuất nông nghiệp, diện tích trồng cây hàng năm (lúa và các loại cây khác) chiếm tỷ lệ lớn nhất với 18,23% diện tích đất nông nghiệp; diện tích trồng cây lâu năm chiếm 16,06%. Trong nhóm đất lâm nghiệp, đất rừng sản xuất chiếm tỷ lệ lớn nhất với 43,64%, trong khi đó đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng chiếm tỷ lệ tương ứng là 15,97% và 4,28%.

3.1.2. Biến động sử dụng đất nông nghiệp

So với 2015, năm 2020 xét về diện tích và cơ cấu, trừ đất sản xuất nông nghiệp giảm 322,08 ha (giảm 0,71% trong cơ cấu), còn lại đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác đều tăng, trong đó đất lâm nghiệp tăng nhiều nhất với 448,77 ha (tăng 0,7% trong cơ cấu). Trong đất sản xuất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm giảm mạnh nhất (235,47 ha), tiếp đến là đất trồng cây hàng năm giảm 50,26 ha, đất trồng lúa giảm không đáng kể 36,35 ha. Sở dĩ có sự biến động theo chiều hướng giảm trong đất sản xuất nông nghiệp là do chuyển một phần diện tích đất sang đất sản xuất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác và một phần làm đường giao thông và hệ thống thủy lợi. Trong nhóm đất lâm nghiệp, đất rừng đặc dụng giảm 0,4 ha do chuyển sang mục đích sản xuất rừng phòng hộ. Nhìn chung, sự thay đổi về diện tích đất nông nghiệp của huyện phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

Bảng 2. Tình hình biến động đất nông nghiệp huyện Anh Sơn giai đoạn 2015–2020 [36–37].

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)				So sánh tăng (+), giảm (–)
			2015		2020		2020–2010
			Diện tích	%	Diện tích	%	
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	51.898,81	100	52.036,38	100	137,57
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	18.444,89	35,54	18.122,81	34,83	– 322,08
1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.864,55	7.45	3.828,20	7,36	– 36,35
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5.708,40	11,0	5.658,14	10,87	– 50,26
1.1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.871,94	17,09	8.636,47	16,60	– 235,47
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	32.796,27	63,19	33.245,04	63.89	448,77
1.2.1	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.211,43	15,82	8.308,83	15,97	97,4
1.2.2	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.226,66	4,29	2.226,26	4,28	– 0,4

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)				So sánh tăng (+), giảm (–)
			2015		2020		2020–2010
			Diện tích	%	Diện tích	%	
1.2.3	Đất rừng sản xuất	RSX	22.358,58	43,08	22.709,95	43,64	351,37
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	657,65	1,27	662,47	1,27	4,82
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	–		6,06	0,01	6,06
	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	2.403,21		2.174,03		– 229,18

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nhờ thu hút được các dự án đầu tư vào nông nghiệp nên diện tích đất chưa sử dụng cũng đã được đưa vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Ví dụ như dự án trồng chè Gay ở các xã Cao Sơn, Lĩnh Sơn, Hùng Sơn, đã sử dụng hơn 670 ha đất nông nghiệp, trong đó lấy hơn 65% diện tích đất chưa sử dụng trước đây chuyển vào sản xuất.

3.2. Đánh giá tính hiệu quả của các loại hình sử dụng đất nông nghiệp

Hiệu quả kinh tế của các loại hình sử dụng đất là thước đo năng lực sản xuất của đất, phản ánh một cách tổng quát các nhân tố có quan hệ đến mức độ phù hợp của điều kiện tự nhiên [1]. Nó được thể hiện ở nhiều chỉ tiêu, trong nghiên cứu này tác giả chỉ đề cập đến những chỉ tiêu chính của kết quả phát triển ngành nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2015–2020.

Bảng 3. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2015–2020 [36–37].

TT	Chỉ tiêu	2015	2017	2020
1	**GTSX (Triệu đồng)**	**3.155.632**	**4.284.453**	**5.360.025**
1.1	GTSX nông nghiệp (Triệu đồng)	1.031.825	1.301.228	1.217.837
1.2	GTSX lâm nghiệp (Triệu đồng)	159.285	161.350	189.367
1.3	GTSX thủy sản (Triệu đồng)	29.092	33.723	40.445
1.4	Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng (Triệu đồng)	56,3	71,22	70,35
1.5	Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất NTTS (Triệu đồng)	41,2	52,98	52,33
2	**Bình quân lương thực/người (kg/người)**	**632,0**	**619,0**	**526,0**

Giá trị sản xuất tăng nhanh qua các năm, tuy nhiên giá trị và tốc độ tăng giá trị sản xuất có sự khác nhau giữa các lĩnh vực. Nông nghiệp vẫn là lĩnh vực có giá trị sản xuất cao nhất nhưng tốc độ tăng thấp nhất, chỉ 3,37%/năm, trong khi đó, tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản là 6,81%/năm, lâm nghiệp tăng 3,52%/năm. Bên cạnh đó, giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng, trên 1 ha đất nuôi trồng thủy sản cũng như bình quân lương thực/người cũng tăng lên nhanh chóng. Tuy nhiên, so với năm 2017, năm 2020 các chỉ tiêu này có sự suy giảm đáng kể. Nguyên nhân chủ yếu do yếu tố thị trường chi phối, giá cả vật tư nông nghiệp tăng, dịch covid–19, cũng như ảnh hưởng chế độ thời tiết dưới tác động của biến đổi khí hậu.

Bảng 4. Diện tích, sản lượng, năng suất một số sản phẩm chủ yếu trong nông nghiệp giai đoạn 2015–2020 [36–39].

Sản phẩm	Chỉ tiêu	2015	2017	2020
Lúa	Diện tích (ha)	6.025	6.268	5.857
	Sản lượng (tấn)	32.135	33.346	32.840
	Năng suất (tạ/ha)	53,33	53,32	56,07
	Diện tích (ha)	7.686	7.480	5.982

Sản phẩm	Chỉ tiêu	2015	2017	2020
Ngô	Sản lượng (nghìn tấn)	37.682	37.204	29.262
	Năng suất (tạ/ha)	49,02	49,74	48,92
	Diện tích (ha)	1.309	1.540	1.875,5
Chè	Sản lượng (tấn)	14.705	17.989	24.526
	Năng suất (tạ/ha)	112,34	116,81	130,77
	Diện tích (ha)	1.159	773	1.107
Sắn	Sản lượng (tấn)	19.722	14.084	22.594
	Năng suất (tạ/ha)	170,01	182,20	204,10
	Diện tích (ha)	1.454	1.540	850
Mía	Sản lượng (tấn)	85.385	92.524	52.181
	Năng suất (tạ/ha)	587,24	600,81	613,89
	Diện tích (ha)	251	200	161
Lạc	Sản lượng (tấn)	541	477	450
	Năng suất (tạ/ha)	21,55	23,86	27,95

Trong các sản phẩm của nông nghiệp nêu trên, các cây lương thực hàng năm như ngô, lúa vẫn là cây trồng có diện tích lớn nhất, song sản lượng và năng suất không cao bằng các loại cây khác và dự báo có xu hướng giảm trong giai đoạn tới do nhiều nguyên nhân, trong đó phải kể đến do hạn hán, thiên tai dưới tác động của biến đổi khí hậu; nhiều diện tích trồng lúa cũng ngày càng kém hiệu quả phải chuyển sang trồng các cây ngắn ngày khác. Trong khí đó cây mía và cây sắn cho sản lượng và năng suất rất cao do đất đai và điều kiện khí hậu phù hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của các loại cây trồng này, đồng thời thị trường tiêu thụ được mở rộng.

Chè hiện nay được xếp vào nhóm cây trồng chủ lực của huyện do những điều kiện thuận lợi về tự nhiên cũng như về thị trường tiêu thụ, diện tích trồng chè có xu hướng tăng, năng suất rất cao, năm 2020 năng suất chè đạt 130,77 tạ/ha. Các xã trồng chè nhiều nhất của huyện Anh Sơn là Hùng Sơn, Long Sơn, Cẩm Sơn, Phúc Sơn, Tường Sơn, Đỉnh Sơn.

3.3. Các vấn đề đặt ra trong sử dụng đất nông nghiệp

Nhìn chung, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An là huyện đã biết phát huy lợi thế to lớn về đất đai cho mục đích phát triển nông nghiệp. Trong những năm qua, bằng nhiều biện pháp cải tạo, chuyển đổi loại hình sử dụng đất, thực hiện dồn điền đổi thửa đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Thực tế, việc sử dụng đất nông nghiệp đã phù hợp và đúng hướng với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, việc sử dụng đất nông nghiệp vẫn còn một số bất cập:

Nhiều diện tích đất đai của huyện rơi vào tình trạng khô cằn, sỏi đá, bạc màu, địa hình bị cắt xẻ mạnh bởi sông ngòi và núi đã gây nhiều khó khăn cho việc phát triển các loại cây, con trên đất cũng như phát triển các loại hình trang trại chuyên môn hóa quy mô lớn, cho phát triển giao thông, liên kết vùng cũng như tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Rất nhiều chuỗi giá trị cây trồng, vật nuôi được đặt ra để phát triển tuy nhiên điều kiện tự nhiên quá khắc nghiệt, điều kiện kinh tế–xã hội kém phát triển đã là rào cản đáng kể để phát huy lợi thế của vùng.

Hàng năm, các thiên tai khắc nghiệt như: lũ, gió Phơn Tây Nam làm cho hàng nghìn ha đất nông nghiệp bị thu hẹp và suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng, gây ảnh hưởng không nhỏ cho phát triển nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp của huyện vẫn còn mang nặng tính chất của một nền nông nghiệp tiểu nông, nhỏ lẻ, phân tán; công nghệ, kết cấu hạ tầng lạc hậu; vốn đầu tư vào nông nghiệp rất thấp; nhiều diện tích đất đã sử dụng qua các chu kỳ 1, 2, 3,

thiếu vốn nên các quy trình chăm sóc, cải tạo đất không được thực hiện, làm giảm sút cả về năng suất và chất lượng của nhiều sản phẩm, nhất là các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như chè, cao su, lạc.. Qua nhiều năm, nhiều loại cây trồng đã bị thoái hóa.

Ruộng đất để canh tác lúa, màu, cây công nghiệp ngắn ngày vẫn còn manh mún. Hệ thống thủy lợi và giao thông đồng ruộng kém phát triển, trình độ cơ giới hóa và sử dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp lạc hậu. Kinh tế trang trại của huyện là một trong những hình thức tổ chức nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, tuy tăng nhanh về số lượng nhưng quy mô còn nhỏ và chiếm một tỷ lệ không đáng kể trong hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng như kinh tế nông thôn.

Năng suất, chất lượng rừng còn thấp. Mặc dù độ che phủ rừng có xu hướng tăng nhưng chất lượng rừng và tính đa dạng sinh học có xu hướng suy giảm (60% diện tích rừng là rừng nghèo). Giá trị thu nhập trên 1 ha rừng còn thấp, chỉ đạt khoảng 4–5 triệu đồng/ha/năm. Chưa thu hút được đầu tư từ các doanh nghiệp cho trồng rừng. Một số xã quản lý, sử dụng chưa tốt quỹ đất lâm nghiệp bị UBND tỉnh Nghệ An thu hồi từ các nông, lâm trường giao.

3.4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Anh Sơn

3.4.1. Đối với đất sản xuất nông nghiệp

Huyện cần phải tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm theo chuỗi giá trị, đảm bảo sản xuất hiệu quả và bền vững. Tổ chức phát triển các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, cánh đồng lớn và các mô hình sản xuất có thu nhập cao, gắn với thị trường tiêu thụ. Tiếp tục khuyến khích chuyển đổi, tích tụ ruộng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ; nghiên cứu đưa cây trồng hợp lý, có hiệu quả vào sản xuất vụ đông, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Bố trí sản xuất lúa chất lượng cao, đặc biệt ở các cánh đồng lớn, chỉ trồng 2–3 loại giống đạt tiêu chuẩn, tập trung trên địa bàn các xã: Lĩnh Sơn, Lạng Sơn, Tào Sơn, Thạch Sơn, Tường Sơn, Đức Sơn, Vĩnh Sơn, Phúc Sơn, Long Sơn, Tam Sơn. Áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất lúa một cách đồng bộ ở tất cả các khâu: chuẩn bị đất, xuống giống, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch, phơi sấy, cất trữ,...

Đối với cây chè: Cần phải phân vùng nguyên liệu cho các cơ sở chế biến, các Hợp tác xã chế biến chè để hình thành các vùng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Các cơ sở chế biến ký hợp đồng đầu tư, thu mua ổn định, các hộ sản xuất chè cam kết chăm sóc đúng quy trình, đảm bảo sản phẩm chất lượng, an toàn, từ đó nâng cao được giá trị sản phẩm và đem lại hiệu quả kinh tế cho người sản xuất. Sử dụng các giống chè mới có năng suất cao, chất lượng tốt thay thế dần các giống chè cũ năng suất thấp, đồng thời bổ sung mở rộng thêm vùng nguyên liệu tại các xã Thành Sơn, Bình Sơn, Thọ Sơn,... Xây dựng vùng sản xuất chè ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch đã được phê duyệt tại các xã Long Sơn, Cẩm Sơn, Phúc Sơn, Hùng Sơn, Xí nghiệp chè Bãi Phủ.

Đối với cây cao su: sau năm 2020, ngoài diện tích cao su đã được UBND tỉnh quy hoạch, tiến hành khảo sát lựa chọn trên một số đất rừng sản xuất có điều kiện thích hợp để phát triển cao su tiểu điền tại các xã Long Sơn, Cẩm Sơn, Tường Sơn.

3.4.2. Đối với đất sản xuất lâm nghiệp

– Khu vực rừng phòng hộ: Quản lý và bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ, đồng thời thực hiện công tác khoanh nuôi, chăm sóc rừng hiệu quả, phấn đấu đến năm 2030 độ che phủ rừng đạt trên 49%, phát triển diện tích rừng, giao đất khoán rừng đến từng tổ chức, hộ gia đình. Khoanh nuôi, bảo vệ tốt diện tích rừng có hàng năm, làm tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, nhằm nâng cao độ che phủ của rừng, đảm bảo khả năng phòng hộ, tăng thu nhập từ rừng cho người dân.

– Khu vực rừng đặc dụng: Rừng đặc dụng ở Anh Sơn thuộc vùng đệm, có tác dụng giảm nhẹ hoặc ngăn chặn sự xâm hại tới khu bảo tồn thiên nhiên Pù Mát. Toàn bộ diện tích rừng đặc dụng huyện Anh Sơn nằm trên địa bàn xã Phúc Sơn. Vì vậy, rừng đặc dụng cần được bảo toàn nguyên vẹn và quản lý bảo vệ chặt chẽ nhằm theo dõi diễn biến tự nhiên, nghiêm cấm mọi hành vi làm thay đổi cảnh quan tự nhiên của khu rừng, đảm bảo sự phát triển tự nhiên của rừng, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái và cảnh quan của khu rừng.

– Khu vực rừng sản xuất: Tiềm năng rừng sản xuất của Anh Sơn rất lớn và đa dạng. Đất rừng sản xuất chủ yếu là đồi và núi thấp, độ dốc không lớn, thổ nhưỡng tốt, do vậy không phải đầu tư nhiều vào tu bổ, chăm sóc, điều kiện kết hợp nông, lâm thuận lợi. Vì vậy, cần phải bảo vệ tốt diện tích rừng và khai thác hợp lý nguồn lợi lâm sản. Thực hiện công tác phát triển, khoanh nuôi, chăm sóc và bảo vệ rừng. Phát triển diện tích rừng, giao đất, khoán rừng đến từng tổ chức, hộ gia đình. Khai thác rừng một cách hợp lý, không làm ảnh hưởng đến khả năng phát triển bền vững của rừng. Bên cạnh đó, thực hiện tốt công tác bảo vệ, phòng trừ sâu bệnh, nâng cao công tác tuyên truyền để mọi người dân có ý thức trong công tác phòng chống cháy rừng.

3.4.3. Đối với đất nuôi trồng thủy sản

Tận dụng lợi thế của hệ thống hồ đập thủy lợi, ao, hồ, mặt nước, sông suối, đất lúa để phát triển đa dạng các mô hình nuôi trồng thủy sản. Tiếp tục phát huy hiệu quả các hình thức nuôi trồng thuỷ sản trên địa bàn huyện, áp dụng khoa học kỹ thuật để tạo giống có năng suất cao, tạo giống cá tại chỗ. Mở rộng diện tích nuôi trồng thuỷ sản như nuôi cá ao hồ, nuôi cá trên diện tích đất cá lúa và cá lồng. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào nuôi trồng thuỷ sản, nâng cao năng suất, sản lượng, giá trị thu nhập.

4. Kết luận

Với đặc thù là một huyện có diện tích tự nhiên tương đối lớn, đất nông nghiệp chiếm 86,1% diện tích tự nhiên của huyện. Đây là điều kiện thuận lợi để huyện Anh Sơn phát huy được lợi thế to lớn trong quá trình sử dụng đất vào mục đích phát triển nông nghiệp.

Các loại hình sử dụng đất nông nghiệp của huyện được chia làm ba nhóm chính: đất lâm nghiệp chiếm diện tích lớn nhất (63,89%), trong đó chủ yếu là đất rừng sản xuất; đất sản xuất nông nghiệp chiếm 34,83%, trong đó chủ yếu là đất trồng cây hàng năm; các loại đất khác bao gồm đất nuôi trồng thủy sản và các loại đất nông nghiệp khác chiếm tỷ lệ không đáng kể.

Trong những năm qua, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của huyện ngày càng được nâng cao, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; năng suất, sản lượng và giá trị các sản phẩm nông nghiệp tăng nhanh, bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu trong và ngoài huyện; góp phần đưa giá trị sản xuất của của huyện tăng lên.

Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, dưới tác động của các nhân tố khách quan và chủ quan đã tạo ra nhiều lực cản và khó khăn trong sử dụng đất nông nghiệp. Nhiều loại đất có xu hướng bạc màu, trơ sỏi đá; tình trạng đất bị bỏ hoang còn nhiều; đầu tư trên đất còn thấp; tập quán canh tác lạc hậu cũng như việc lựa chọn nhiều loại cây trồng, vật nuôi chưa phù hợp với điều kiện phát triển của đất đã dẫn đến sản lượng, năng suất và giá trị sản phẩm nông nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của huyện.

Trong những năm sắp tới, huyện cần điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp với giai đoạn mới, đầu tư khoa học kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, lựa chọn sản phẩm nông nghiệp cũng như tạo ra các chuỗi giá trị, phát triển nông nghiệp công nghệ cao... để nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

Nghiên cứu trên đây nhằm mục đích chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế trong quá trình sử dụng đất nông nghiệp ở huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu mới chỉ dừng lại

ở đánh giá, cần có các nghiên cứu mang tính định lượng như phân tích hồi quy, thực nghiệm, phân tích mẫu đất…cho những nghiên cứu sâu hơn trong thời gian tới.

Đóng góp của tác giả: Xây dựng ý tưởng nghiên cứu: H.P.H.Y., N.T.T.; Lựa chọn phương pháp nghiên cứu: H.P.H.Y., N.T.T.; Xử lý số liệu, phân tích số liệu và viết bản thảo bài báo: N.T.T.; Chỉnh sửa bài báo: H.P.H.Y.

Lời cam đoan: Tập thể tác giả cam đoan bài báo này là công trình nghiên cứu của tập thể tác giả, chưa được công bố ở đâu, không được sao chép từ những nghiên cứu trước đây; không có sự tranh chấp lợi ích trong nhóm tác giả.

Tài liệu tham khảo

1. Bauman. V. Đánh giá chất lượng đất về tác động của giá trị địa chính bất động sản. Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Quốc tế, Khoa học Kinh tế Phát triển Nông thôn, Jelgava, LLU. 2011, 25, 68–75.
2. Altieri, M.A. Convergence or divide in the movement for sustainable and just agriculture. In Organic Fertilisation, Soil Quality and Human Health. Sustainable Agriculture Reviews 9, E. Lichtfouse Ed., Springer Science Business Media B.V. 2012, pp. 9.
3. Eurostat. Land use: Number of farms and areas of different crops by type of farming (2–digit). Ha: Utilised agricultural area for 2007, 2010. April 2013. Online Available: http://appsso.eurostat.ec.europa.eu/nui/show.do?dataset=ef_oluft&lang=en.
4. Heal, G.; Walker, B.; Levin, S.; Arrow, K.; Dasgupta, P.; Daily, G.; et al. Genetic diversity and interdependent crop choices in agriculture. *Resour. Energ. Econ.* **2004**, *26*, 175–184. Doi:10.1016/j.reseneeco.2003.11.006.
5. McFadden, J.R.; Hoppe, R.A. The evolving distribution of payments from commodity, conservation, and federal crop insurance programs. Economic Information Bulletin Number 184. USDA Economic Research Service, 2017.
6. Pridham, J.C.; Entz, M. Intercropping spring wheat with cereal grains, legumes, and oilseeds fails to improve productivity under organic management. *Agron. J.* **2008**. *100*, 1436. Doi: 10.2134/agronj2007.0227.
7. Ray, D.K.; Ramankutty, N.; Mueller, N.D.; West, P.C.; Foley, J.A. Recent patterns of crop yield growth and stagnation. *Nat. Commun.* **2012**, *3*, 1293. Doi:10.1038/ncomms2296.
8. Boris, E. Bravo Ureta and Antnio E. Pinheiro. Efficiency Analysis of Devloping Country Agricultural Land. *A Review of Frontier Fonction Literature* **1993**, *22(1)*, 88–101.
9. Place, B.S.; Nkonya, F.; Pender, E.M.; John, L. Land Markets and Agricultural Land Use Efficiency and Sustainability: Evidence from East Africa, 2006.
10. Ramankutty, N.; Mehrabi, Z.; Waha, K.; Jarvis, L.; Kremen, C.; Herrero, M.; et al. Trends in global agricultural land use: implications for environmental health and food security. *Ann. Rev. Plant Biol.* **2018**, *69*, 789–815. Doi: 10.1146/annurev–arplant–042817–040256.
11. Pimentel, D.; Harvey, C.; Resosudarmo, P.; Sinclair, K.; Kurz, D.; McNair, M.; et al. Environmental and economic costs of soil erosion and conservation benefits. *Science* **1995**, *267*, 1117–1123. Doi: 10.1126/science.267.5201.1117.
12. Mulvaney, R.L.; Khan, S.A.; Ellsworth, T.R. Synthetic nitrogen fertilizers deplete soil nitrogen: a global dilemma for sustainable cereal production. *J. Environ. Qual.* 2009, 38, 2295–2314. Doi: 10.2134/jeq2008.0527.

13. Pimentel, D.; Burgess, M. Chapter 2: environmental and economic costs of the application of pesticides primarily in the United States. In Integrated Pest Management, eds D. Pimentel and R. Peshin (Dordecht: Springer), 2014, 47–71.
14. Barnes, A.P.; Poole, C.E.Z. Applying the concept of sustainable intensification to Scottish Agriculture. Proceeding of Contributed Paper Prepared for Presentation at the 86th Annual Conference of the Agricultural Economics Society, University of Warwick, United Kingdom, 16–18. April 2012, pp. 20.
15. Pilvere, I.; Dobele, A.; Baumane, V. Research report: Evaluation of Agricultural Land Use, Efficiency, and Options, 2012, pp. 64.
16. Reganold, J.P.; Jackson–Smith, D.; Batie, S.S.; Harwood, R.R.; Kornegay, J.L.; Bucks, D.; et al. Transforming, US agriculture. *Science* 2011, 332, 670–671. Doi: 10.1126/science.1202462.
17. Reitsma, K.D.; Dunn, B.H.; Mishra, U.; Clay, S.A.; DeSutter, T.; Clay, D.E. Land–use change impact on soil sustainability in a climate and vegetation transition zone. *Agron. J.* **2015**, *107*, 2363–2372. Doi: 10.2134/agronj15.0152.
18. Rindfuss, R.R.; Walsh, S.J.; Turner, B.L.; Fox, J.; Mishra, V. Developing a science of land change: challenges and methodological issues. Proc. Natl. Acad. Sci. U.S.A. 2004, 101, 13976–13981. Doi: 10.1073/pnas.0401545101.
19. Taylor, J.L.; Acevedo, W.; Auch, R.F.; Drummond, M.A. Status and Trends of Land Change in the Great Plains of the United States–1973 to (2000). U.S. Geological Survey Professional Paper 1794–B. Land Cover Trends. Washington, DC: USGS, 2015.
20. Kaitlin, S.; Emily, K.B.; Britta, S. Past and Current Dynamics of U.S. Agricultural Land Use and Policy. Front. Sustain. Food Syst. 2020, 2020. Doi:https://doi.org/10.3389/fsufs.2020.00098.
21. Garnett, T.; Godfray, C. Sustainable intensification in agriculture. navigating a course through competing food system priorities. Food Climate Research Network and the Oxford Martin Programme on the Future of Food, University of Oxford, UK. 2012, pp. 51.
22. Arora, G.; Wolter, P. Tracking land cover change along the western edge of the U.S. corn belt from 1984 through 2016 using satellite sensor data: observed trends and contributing factors. *J. Land Use Sci.* **2018**, *13*, 59–80. Doi:10.1080/1747423X.2018.1466001.
23. Bigelow, D.P.; Borchers, A. Major Uses of Land in the United States (2012). EIB–178. U.S. Department of Agriculture, Economic Research Service, 2017.
24. Drummond, M.A.; Auch, R.; Karstensen, K.A.; Sayler, K.; Taylor, J.; Loveland, T.R. Land change variability and human–environment dynamics in the United States great plains. *Land Use Policy* 2012, 29, 710–723. Doi: 10.1016/j.landusepol.2011.11.007.
25. NRC. Toward Sustainable Agricultural Systems in the 21st Century. National Research Council of the National Academies. Washington, DC: The National Academies Press, 2010.
26. Pimentel, D.; Burgess, M. Chapter 2: environmental and economic costs of the application of pesticides primarily in the United States. in Integrated Pest Management, eds D. Pimentel and R. Peshin (Dordecht: Springer), 2014, 47–71.
27. Abson, D.J.; Fraser, E.; Benton, T.G. Landscape diversity and the resilience of agricultural returns: a portfolio analysis of land-use patterns and economic returns from lowland agriculture. *Agric. Food Secur.* **2013**, *2*, 2. Doi:10.1186/2048-7010-2-2.
28. Hart, J.F. Half a century of cropland change. *Geogr. Rev.* **2001**, *91*, 525. Doi:10.2307/3594739.

29. Hendrickx, F.; Maelfait, J.P.; Van Wingerden, W.; Schweiger, O.; Speelmans, M.; Aviron, S.; et al. How landscape structure, land–use intensity and habitat diversity affect components of total arthropod diversity in agricultural landscapes: agricultural factors and arthropod biodiversity. *J. Appl. Ecol.* **2007**, *44*, 340–351. Doi:10.1111/j.1365–2664.2006.01270.x.
30. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Luật đất đai năm 2003. 2003.
31. Ngô, H.H. Nghiên cứu đánh giá tiềm năng đất đai và đề xuất hướng sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Châu Giang, Hưng Yên. Luận văn thạc sỹ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 1990.
32. Long, V.V. Nghiên cứu đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Luận văn thạc sỹ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2015.
33. Thao, T.Đ. Đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất ngô hè thu tại Sơn La. Luận văn thạc sỹ, Học viện nông nghiệp Việt Nam, 2006.
34. Ba, N.K.V.; Chinh, Đ.V.; Tuấn, P.B.; Nhạ, Đ.V. Thực trạng và hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. *Tạp chí Khoa học đất* **2016**, 48.
35. Nhạ, Đ.V.; Toàn, T.T. Đánh giá thực trạng sử dụng đất nông nghiệp theo hướng hàng hoá trên địa bàn huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. *Tạp chí Khoa học và Phát triển* **2016**, 14(5).
36. Ủy ban nhân dân huyện Anh Sơn. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch huyện Anh Sơn, 2022.
37. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Nghệ An theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, giai đoạn 2013–2020, 2013.
38. Cục Thống kê tỉnh Nghệ An. Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2020. NXB Nghệ An, 2021.
39. Cục Thống kê tỉnh Nghệ An. Báo cáo ước tính giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm năm 2020 phân theo Huyện, Thành phố, Thị xã, 2021.

Current state and solutions to improve the efficiency of using farmland in Anh Son District, Nghe An province

Hoang Phan Hai Yen[1*], Nguyen Thi Thuong[2]

[1] Geograpy Department, College of Education, Vinh University; hoangphanhaiyen@vinhuni.edu.vn
[2] Master student of course 28, majoring in Geography, Vinh University; Teacher at Anh Son 2 High School, Nghe An; thuongnt.as2@nghean.edu.vn

Abstract: The evaluation of the efficiency of agricultural land use, thereby selecting the appropriate land use types from a sustainable point of view, is becoming a global issue of interest to scientists. For a country with a major agricultural industry like Vietnam, this is a more meaningful task than ever. By using methods of synthesis analysis, field survey, consultation with experts... the article analyzes and clarifies the current status and problems posed in agricultural land use by type land use, thereby proposing some solutions to improve the efficiency of agricultural land use in Anh Son district, Nghe An province. The research results are an important basis for managers at district and provincial levels of Nghe An to invest and organize agricultural production to improve the efficiency of using this valuable resource.

Keywords: Farmland; Efficient use of agricultural land; Agricultural land use.